



# CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN BẠC LIÊU

Địa chỉ: 89 QL 1A, Khóm 2, Phường 1, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu

Điện thoại: (84-0291) 3849567 Fax: (84-0291) 3849706

Email: dam.nt@baclieu.vegetables.vn website:baclieu-vegetables.vn

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

### I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### 1. Thành lập:

Công ty CP thủy sản Bạc Liêu là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty TNHH thủy sản Bạc Liêu. Công ty được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 600300027, đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 07 năm 2006 và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1900253340. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 22 ngày 08 tháng 03 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bạc Liêu cấp. Tổng số vốn điều lệ đến ngày 31/12/2024 là 115.000.000.000 đồng.

#### 2. Niêm yết:

Công ty được niêm yết cổ phiếu trên Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Giấy phép niêm yết số 27/2008/GCNC-TTLK do Trung tâm Lưu Ký Chứng khoán cấp ngày 19/05/2008.

- |  |                      |
|--|----------------------|
| - Mã chứng khoán:                      | BLF                  |
| - Loại cổ phiếu niêm yết:              | Cổ phiếu phổ thông   |
| - Mệnh giá:                            | 10.000 đồng/cổ phiếu |
| - Ngày giao dịch cổ phiếu đầu tiên:    | 02/06/2008           |
| - Số lượng cổ phiếu niêm yết hiện tại: | 11.499.999 cổ phiếu  |
| - Số lượng cổ phiếu được mua lại:      | 1                    |
- (cổ phiếu quỹ)

#### 3. Quá trình phát triển:

##### 3.1 Ngành nghề kinh doanh:

- ⚡ Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.
- ⚡ Kinh doanh xuất nhập khẩu:
  - xuất khẩu nội địa các mặt hàng nông lâm, thủy sản, hàng thủ công mỹ thực phẩm.

- Nhập khẩu phương tiện vận tải, máy móc thiết bị, nguyên vật liệu, phụ liệu phục vụ sản xuất.
- ✚ Khai thác nuôi trồng thủy sản.
- ✚ Bán buôn nông lâm sản nguyên liệu.
- ✚ Bán máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác.
- ✚ nhập khẩu các loại thực phẩm chế biến.
- ✚ Gia công hàng điện tử gia dụng.
- ✚ Thu đổi ngoại tệ.
- ✚ kinh doanh xuất khẩu các loại phân bón ( vi sinh, vô cơ, hữu cơ).
- ✚ kinh doanh khu du lịch sinh thái, nhà hàng khách sạn, ăn uống giải trí.

### **3.2 Quá trình hoạt động:**

#### **a. Giai đoạn 2001 – 2006:**

Công ty đã mua lại Nhà xưởng của Công ty TNHH Phước Lợi cải tạo và nâng cấp thành nhà xưởng đông lạnh. Nhiệm vụ ban đầu của Cty là sản xuất chế biến các mặt hàng thủy sản đông lạnh và tạo công ăn việc làm cho hàng trăm lao động ở địa phương.

Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ, từng bước khẳng định thương hiệu mình trên đấu trường quốc tế. Công ty tập trung phát triển các mặt hàng tôm, mực đông lạnh; mở rộng phạm vi hoạt động kinh doanh.

#### **b. Giai đoạn 2007 – nay:**

Công ty đã tiến hành sắp xếp lại tổ chức và sản xuất; mở thêm ngành nghề kinh doanh. Trong 13 năm Công ty đã mua lại Công ty TNHH thủy sản Nha Trang làm chi nhánh sản xuất mặt hàng rau củ quả; mua lại Công ty xuất nhập khẩu thủy sản Hộ Phòng chi nhánh Gành Hào cải tạo làm phân xưởng chế biến surimi; nhưng hoạt động được một thời gian ban lãnh đạo nhận thấy chi nhánh này hoạt động không hiệu quả nên đến tháng 06 năm 2015 công ty đã nhượng bán chi nhánh Gành Hào cho một đối tác kinh doanh khác. Đồng thời trong năm 2014 Công ty cũng đã chuyển nhượng một phần quyền thuê Đà Lạt House kinh doanh dịch vụ nhà hàng tại Lâm Đồng cho một cá thể kinh doanh khác nhằm kếp bớt những hoạt động không mang lại hiệu quả cho công ty.

Giai đoạn này đánh dấu bước phát triển nhảy vọt trên tất cả lĩnh vực của Công ty. Công ty đã chính thức niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán sau 13 năm cổ phần hoá, thực hiện thành công việc tăng vốn điều lệ từ 8 tỷ đồng lên 50 tỷ đồng và đến cuối năm 2019 lại tăng lên 115 tỷ đồng. Với chiến lược phát triển lấy kinh doanh thủy sản làm trọng tâm, Công ty đã đầu tư 02 dây chuyền chế biến surimi và Crab stick của Nhật Bản nay đã đi vào hoạt động khá tốt góp phần nâng cao hiệu quả của công ty. Bên cạnh đó, Công ty đã và đang triển khai các dự án nhằm đa dạng hóa các hoạt động kinh doanh như: đầu tư trồng nông nghiệp đậu bắp, cà tím, của Nhật ... Ngoài ra, công ty cũng đã và đang xây dựng mở rộng thêm nhà xưởng sản xuất gia

công các mặt hàng khoai tây cho thị trường Nhật và gia công tôm cho các đơn hàng vào thị trường Trung Quốc.

## II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### 1. Đánh giá chung:

Năm 2024 là năm thứ mười sáu sau cổ phần hóa, Công ty đã tạo ra được những bước cải thiện rất hiệu quả, cụ thể các năm qua hiệu quả kinh doanh của công ty ngày càng tăng. Đó cũng là bước tiến làm tiền đề cơ bản cho sự phát triển vượt bậc trong những năm tới, đặc biệt là lĩnh vực đầu tư phát triển rau củ quả và tôm đông lạnh.

### 2. Tình hình thực hiện năm 2024:

#### ✚ Tổng sản lượng:

- Sản lượng rau củ quả xuất khẩu: Thực hiện năm 2024 là 3.394.531 kg; 198.249.138.861 đồng, giảm 3,68% so với năm 2023.
- Sản lượng khoai tây xuất khẩu: Thực hiện năm 2024 là 1.660.777 kg; 73.676.384.989 đồng, giảm 61,28% so với năm 2023.
- Sản lượng tôm xuất khẩu: Thực hiện năm 2024 là: 41.688 kg; 8.333.164.900 đồng

✚ **Tổng doanh thu:** Thực hiện năm 2024 là 328.615.993.845 đồng, giảm 43,34%% so với năm 2023.

✚ **Tổng lợi nhuận sau thuế:** Thực hiện năm 2024 là 158.749.909 đồng, giảm 96,27% so với năm 2023.

### 3. Những khoản đầu tư lớn năm 2024:

Do tình hình sản xuất không mở rộng, công suất hiện tại cũng đáp ứng tương đối đủ nhu cầu trong năm 2024 nên Công ty không phải đầu tư thêm mà chỉ phát huy trên nền tảng đã đầu tư của những năm trước.

### 4. Kế hoạch năm 2025:

#### 4.1 Các chỉ tiêu chủ yếu trong năm 2025:

CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH NĂM 2025
<b>1. Tổng sản lượng (tấn):</b>	<b>8.962</b>
✓ Sản lượng tôm	62
✓ Sản lượng rau củ quả	6.500
✓ Sản lượng gia công xuất khẩu	2.400
<b>2. Tổng doanh thu (đồng):</b>	<b>500.000.000.000</b>
<b>3. Giá vốn hàng bán (đồng):</b>	<b>303.065.000.000</b>
<b>4. Chi phí bán hàng (đồng):</b>	<b>128.600.000.000</b>



<b>5. Chi phí quản lý (đồng):</b>	<b>61.600.000.000</b>
<b>6. Tổng lợi nhuận trước thuế (đ)</b>	<b>6.735.000.000</b>
<b>7. Thuế thu nhập doanh nghiệp (đ)</b>	<b>1.347.000.000</b>
<b>8. Lợi nhuận sau thuế (đ)</b>	<b>5.388.000.000</b>
<b>9. Tỷ lệ trả cổ tức</b>	<b>Tối thiểu ..... %/năm</b>

#### 4.2 Kế hoạch đầu tư:

1. Đầu tư xưởng gia công hàng đông lạnh			
---	--	--	--

### III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

#### 1. Báo cáo tình hình tài chính năm 2024:

##### 1.1 Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2024:

Tài sản (đồng)		Nguồn vốn (đồng)	
I. Tài sản ngắn hạn	520.039.254.986	I. Nợ phải trả	467.882.844.875
II. Tài sản dài hạn	64.204.260.301	II. Vốn chủ sở hữu	116.360.670.412
<b>Tổng cộng</b>	<b>584.243.515.287</b>	<b>Tổng cộng</b>	<b>584.243.515.287</b>

##### 1.2 Những thay đổi về vốn cổ đông/ vốn góp:

##### 1.3 Cổ tức năm 2024:

##### 1.4 Tổng số cổ phiếu theo từng loại tại thời điểm 31/12/2024:

- Số lượng chứng khoán đã phát hành: 0 cổ phiếu  
*Trong đó:* Cổ phiếu phổ thông: 0 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 11.500.000 cổ phiếu  
*Trong đó:* Cổ phiếu quỹ: 1 cổ phiếu

#### 2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

##### 2.1 Hoạt động kinh doanh 2024:

Doanh thu và lợi nhuận năm 2024 giảm mạnh so với năm 2023 do các đơn hàng nông sản giảm, đặc biệt là mặt hàng khoai tây gia công xuất khẩu. Cụ thể doanh thu và lợi nhuận năm 2024 như sau:

Doanh thu thực hiện : 328.615.993.845 đồng.  
Lợi nhuận thực hiện : 158.749.909 đồng.

##### 2.2 Hoạt động tài chính:

Công ty tạm thời không đầu tư tài chính nữa mà chỉ tập trung vốn vào hoạt động sản xuất kinh doanh chính của đơn vị.

### 3. Những tiến bộ Công ty đã đạt được về công tác quản lý:

- Tiếp tục xây dựng và ban hành các quy chế: quy chế thi đua khen thưởng, quy chế sản xuất, xây dựng quy chế quản trị công ty;
- Công ty triển khai xây dựng xây dựng nội quy lao động, ban hành quy định quản lý chi tiêu tài chính và quy định quản lý hoạt động sản xuất áp dụng cho toàn công ty.

## IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 1. Bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2024:

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ Tiêu	MÃ SỐ	Thuyết Minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>TÀI SẢN</b>				
1	2	3	4	5
<b>A.TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>				
<b>(100)=(110+120+130+140+150)</b>				
<b>100</b>				
<b>-</b>				
<b>520,039,254,986</b>				
<b>409,191,449,574</b>				
<b>I.Tiền, các khoản tương đương tiền</b>				
<b>110</b>				
<b>V.1</b>				
<b>8,949,976,926</b>				
<b>2,372,650,149</b>				
1. Tiền	111	V.1	8,949,976,926	2.372.650.149
2. Các khoản tương đương tiền	112			
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>				
<b>120</b>				
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn (*)	129			
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>				
<b>130</b>				
<b>243,266,357,397</b>				
<b>121,852,193,322</b>				
1. Phải thu của khách hàng	131	V.2	108,600,183,088	102,605,663,052
2. Trả trước cho người bán	132		13,722,034,419	13,293,924,803
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Các khoản phải thu khác	136	V.4	181,124,653,694	66,133,119,271
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.5	(60,180,513,804)	(60,180,513,804)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
<b>IV. Hàng tồn kho</b>				
<b>140</b>				
<b>V.6</b>				
<b>258,532,424,301</b>				
<b>276,743,218,994</b>				
1. Hàng tồn kho	141		267,418,292,017	285,629,086,710
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(8,885,867,716)	(8,885,867,716)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>				
<b>150</b>				
<b>9,290,496,362</b>				
<b>8,223,387,109</b>				
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	864,565,876	557,697,397
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		8,403,889,937	7,643,649,163
3. Thuế và các khoản thuế phải thu của Nhà nước	153	V.13	22,040,549	22,040,549
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			



5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+240+250+260)	<b>200</b>	-	<b>64,204,260,301</b>	<b>85,518,844,821</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1,782,750,400</b>	<b>1,782,750,400</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4	1,782,750,400	1,782,750,400
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>57,767,007,577</b>	<b>77,640,644,446</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	54,064,021,994	73,437,867,921
- Nguyên giá	222		361,496,370,228	365,591,079,424
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(307,432,348,234)	(292,153,211,503)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	3,702,985,583	4,202,776,525
- Nguyên giá	228		9,362,965,380	9,686,087,080
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(5,659,979,797)	(5,483,310,555)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>			
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.7</b>	<b>2,132,788,908</b>	<b>2,132,788,908</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.7	2,132,788,908	2,132,788,908
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.3</b>	<b>661,886,123</b>	<b>609,106,453</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.3	1,814,113,636	1,814,113,636
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.3	(1,452,227,513)	(1,505,007,183)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.3	300,000,000	300,000,000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1,859,827,293</b>	<b>3,353,554,614</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	1,859,827,293	3,353,554,614
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>584,243,515,287</b>	<b>494,710,294,395</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>	-	<b>467,882,844,875</b>	<b>378,508,373,892</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>448,202,379,765</b>	<b>358,990,989,010</b>
1. Phải trả cho người bán	311	V.12	107,339,921,656	136,806,769,802
2. Người mua trả tiền trước	312		47,006,082,925	40,761,538,356
3. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	313	V.13	2,364,548,620	1,801,806,655
4. Phải trả công nhân viên	314		5,505,094,824	6,279,623,449



5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	542,759,906	3,097,199,925
6. Phải trả nội bộ	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	133,809,288,293	10,443,743,634
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	151,632,900,174	159,798,523,822
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		1,783,367	1,783,367
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>19,680,465,110</b>	<b>19,517,384,882</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337			
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11	13,080,465,110	12,917,384,882
9. Trái phiếu chuyển đổi	339	V.16	6,600,000,000	6,600,000,000
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)</b>	<b>400</b>	<b>-</b>	<b>116,360,670,412</b>	<b>116,201,920,503</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.17</b>	<b>116,360,670,412</b>	<b>116,201,920,503</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.17	115,000,000,000	115,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.17	21,874,133,333	21,874,133,333
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn chủ sở hữu khác	414			
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415	V.17	(10.000)	(10.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.17	617,225,337	617,225,337
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.17	(21,130,678,258)	(21,289,428,167)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(21,289,428,167)	(25,548,358,123)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		158,749,909	4,258,929,956
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>			
<b>TỔNG CÔNG NGUỒN VỐN (440=300+400+500)</b>	<b>440</b>		<b>584,243,515,287</b>	<b>494,710,294,395</b>

### Các chỉ tiêu ngoài bảng kế toán

CHỈ TIÊU	ĐVT	Số Kỳ Nay	Số Đầu Năm
1. Tài sản thuê ngoài			

2. Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hoá nhận bán hộ, ký gửi			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại	USD		
USD			
EUR			
JPY			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

## 2. Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2024:

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết Minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	328,615,993,845	580.021.300.613
2. Các khoản giảm trừ { 03=04+05+06+07 }	02	VI.2	236,242,784	2.877.309.987
+ Chiết khấu thương mại	05			
+ Hàng bán trả lại	06			2.255.567.130
+ Giảm giá hàng bán	07		236,242,784	621.742.857
3. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ { 10=01-02 }	10		328,379,751,061	577,143,990,626
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	260,104,122,958	483,385,738,922
5. Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		68,275,628,103	93,758,251,704
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	4,297,244,483	6,047,757,355
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	21,001,624,274	18,919,338,121
<i>Trong đó: Lãi vay phải trả</i>	23		14,292,028,138	14,245,971,329
8. Chi phí bán hàng	25	VI.8	35,989,061,025	63,887,253,829
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	20,527,451,741	20,941,947,114
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh { 30=20+(21-22)-(24+25) }	30		(4,945,264,454)	(3,942,530,005)
11. Thu nhập khác	31	VI.6	9,443,794,394	10,580,830,356
12. Chi phí khác	32	VI.7	3,271,074,791	2,379,370,395
13. Lợi nhuận khác { 40=31-32 }	40		6,172,719,603	8,201,459,961
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế { 50=30+40 }	50		1,227,455,149	4,258,929,956
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	1,068,705,240	0
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0
17. Lợi nhuận sau thuế { 60=( 50-51-52 )+( 53-54 ) }	60		158,749,909	4,258,929,956
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	14	370

## 3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2024 (phương pháp trực tiếp):

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		



1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp DV và doanh thu	291,604,551,972	362,332,620,020
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa & DV	(201,414,363,593)	(240,017,938,059)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	(48,457,807,377)	(57,917,155,315)
4.	Tiền chi trả lãi vay	(14,442,028,138)	(13,211,662,349)
5.	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	(559,373,803)	0
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	185,996,722,307	85,551,044,495
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(194,590,258,715)	(107,358,332,358)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>18,137,442,653</b>	<b>29,378,576,434</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản khác	(1,644,712,473)	(1,611,621,028)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		
5.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác		
6.	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác		
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	3,921,572	4,892,270
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>(1,640,790,901)</b>	<b>(1,606,728,758)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu		
2.	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	468,383,028,002	491,206,390,444
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	(478,503,451,018)	(525,372,576,415)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính		
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>(10,120,423,016)</b>	<b>(34,166,185,971)</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>6,376,228,736</b>	<b>(6,394,338,295)</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>V.1 2,372,650,149</b>	<b>8,766,918,292</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	201,098,041	70,152
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>V.1 8,949,976,926</b>	<b>2,372,650,149</b>

#### 4. Thuyết minh báo cáo tài chính năm 2024:

### V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

#### 1. Kiểm toán độc lập:

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính và kiểm toán phía Nam (AASCS)  
Địa chỉ : 29 Võ Thị Sáu, Phường Đakao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh  
Điện thoại: 028 3820 5944  
Fax : 028 3820 5942
- Ý kiến kiểm toán độc lập

Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán phía Nam (AASCS) sau khi tiến hành kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty cổ phần thủy Sản Bạc Liêu cho niên độ kết thúc ngày 31/12/2024 được thực hiện theo các quy định của chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán Việt Nam có ý kiến như sau:

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy sản Bạc Liêu tại 31/12/2024, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

*Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCS)  
đã ký*

## **2. Kiểm toán nội bộ: không có**

## **VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN**

### **Công ty đầu tư liên kết vốn vào Công ty CP Đầu tư Khang Phú**

Địa chỉ: Số 34, Nguyễn Du, Phường 9, Tp. Đà Lạt, Lâm Đồng.

Tỷ lệ nắm giữ: 38,6% vốn điều lệ

## **VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ**

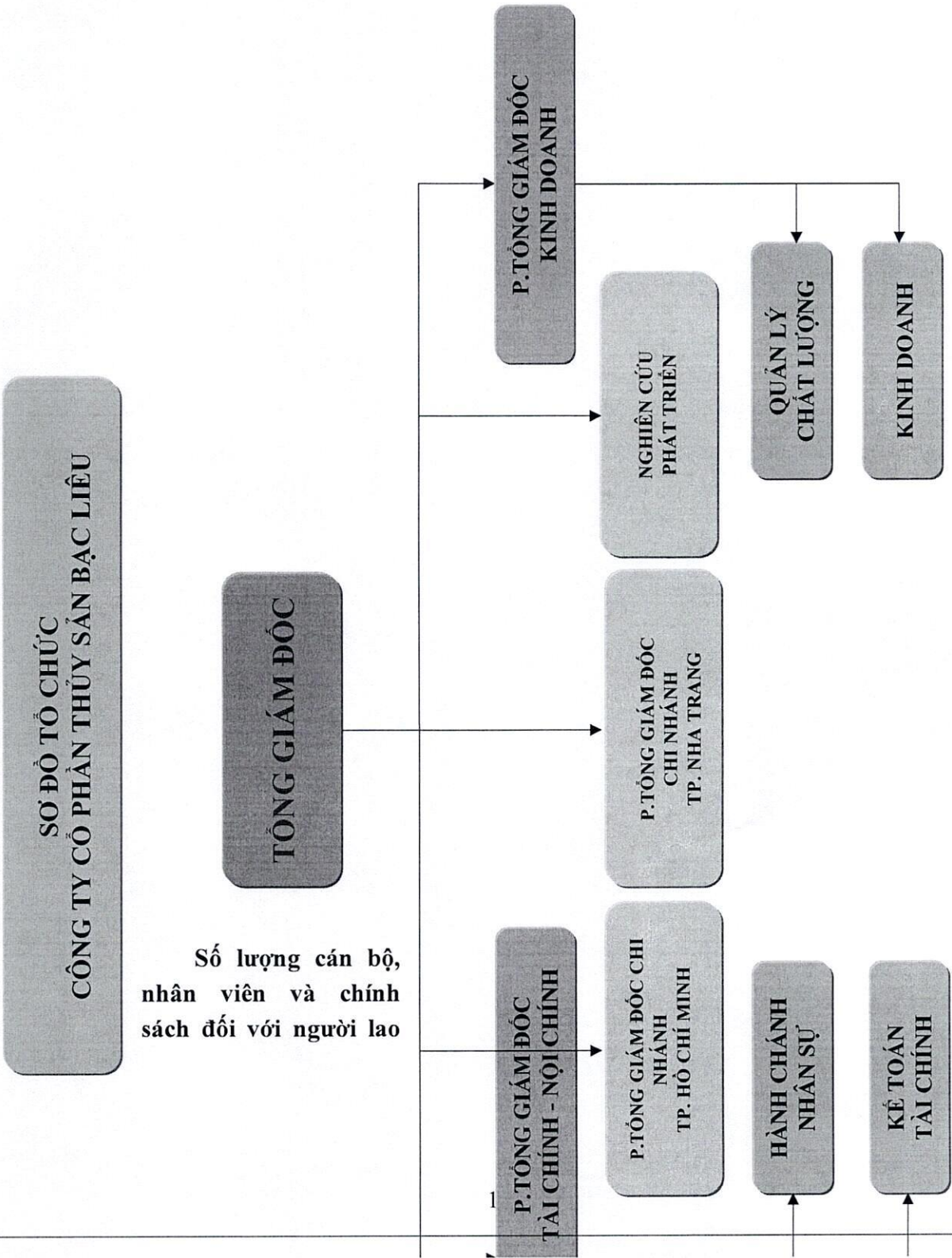
### **1. Cơ cấu tổ chức của Công ty:**

- Công ty được tổ chức hoạt động dưới mô hình Công ty cổ phần theo quy định của Luật doanh nghiệp.
- Công ty có Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và 02 chi nhánh, 02 phân xưởng, 01 công ty liên kết liên doanh.





# SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC



**động:**

**2.1 Số lượng cán bộ, nhân viên trong Công ty:**

Tính đến thời điểm 31/12/2024, tổng số lao động của Công ty là 1.347 người.

**2.2 Chính sách đối với người lao động:**

**\* Chính sách đào tạo:**

Công ty luôn đề cao và coi trọng con người, đó là nhân tố hàng đầu để quyết định mọi thành công trong các hoạt động của đơn vị. Vì vậy chính sách đào tạo của Công ty là:

- Công ty coi trọng công tác đào tạo và huấn luyện nâng cao nghiệp vụ chuyên môn.
- Khuyến khích và đào tạo mọi điều kiện thuận lợi cho những người tài giỏi phát huy khả năng của mình để đảm nhiệm những chức vụ, chức danh cao hơn.

**\* Chính sách tiền lương, thưởng:**

Công ty thực hiện chính sách trả lương theo chức danh công việc cho người lao động. Thu hút và khuyến khích người tài giỏi mang hết khả năng để phục vụ Công ty. Xây dựng lộ trình nâng lương hàng năm cho khối văn phòng và khối sản xuất. Khen thưởng những cá nhân và tập thể

**\* Các chế độ chính sách khác đối với người lao động:**

Công ty thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật lao động. Công ty luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ, nhân viên; có chế độ bồi dưỡng đối với các lao động tăng ca và quan tâm tới cán bộ công nhân viên trong các ngày lễ tết.

**VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

**1. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát:**

**1.1 Hội đồng quản trị:**

- Hội đồng quản trị Công ty gồm 05 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ 5 năm (2015-2019). Các thành viên Hội đồng quản trị đã thực hiện nhiệm vụ của mình với tinh thần trách nhiệm cao, có tầm nhìn chiến lược, đưa ra các quyết định kịp thời vì lợi ích cao nhất của Công ty.

- Thành phần Hội đồng quản trị:



Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Chủ tịch	22/11/2014	
Ông Nguyễn Thanh Đạm	Thành viên	22/11/2014	
Ông Nguyễn Thanh Phong	Thành viên	22/11/2014	
Ông Hiheaki Abe	Thành viên	22/11/2014	
Ông Nguyễn Minh Trí	Thành viên	22/11/2014	

**- Tóm tắt lý lịch Hội đồng quản trị:**

**✚ Chủ tịch HĐQT – BÀ NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG**

- Họ và tên : Nguyễn Thị Thu Hương
- Số CMND : 056159000962
- Giới tính : Nữ
- Ngày sinh : 04/02/1959
- Nơi sinh : Phú Yên
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Sông Cầu, Phú Yên
- Địa chỉ thường trú : 493/26 Bis Cách Mạng Tháng Tám, Phường 13, Quận 10, TP Hồ Chí Minh
- Số điện thoại liên lạc: 0903006068
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Đại học Thủy sản Nha Trang
- Quá trình công tác :
  - 1982 - 1987 : Ủy ban vật giá tỉnh Khánh Hòa
  - 1987 - 1992 : Sở Tài chính vật giá tỉnh Khánh Hòa – Cán bộ phòng thanh tra
  - 1992 - 1997 : Công ty bột giặt mỹ phẩm Nha Trang
  - 1997 - 2001 : Kinh doanh tự do
  - 2001 - 2006 : Chủ tịch Hội đồng thành viên công ty TNHH Thủy sản Bạc Liêu
  - 2006 đến nay : Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thủy sản Bạc Liêu
- Chức vụ công tác hiện nay : Chủ tịch HĐQT
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ : 1.102.530 cổ phiếu.
- Những người có liên quan : Không có
- Các khoản nợ với Công ty : Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không có

#### ✦ Thành viên HĐQT – ÔNG NGUYỄN THANH ĐẠM

- Họ và tên : Nguyễn Thanh Đạm
- Số CMND : 079073000765
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 15/03/1973
- Nơi sinh : Gia Định - Sài Gòn
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thủ Thừa, Long An
- Địa chỉ thường trú : 24/18 Hoàng Hoa Thám, Phường 7, Quận Bình Thạnh TP.HCM
- Số điện thoại liên lạc : 8247201 - 0908540525
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Đại học Kinh tế TP. HCM
- Quá trình công tác :
  - 1999 – 2002 : Công ty Phát triển Kinh tế Duyên Hải
  - 2002 – 2004 : Du học Anh Quốc, Post Graduate Diploma Marketing
  - 2004 – 2006 : Phó giám đốc kinh doanh Công ty TNHH Thủy sản Nha Trang
  - 2006 – 14/12/2008 : Phó tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thủy sản Bạc Liêu
  - 15/12/2008 - nay : Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thủy sản Bạc Liêu
- Chức vụ công tác hiện nay : Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thủy sản Bạc Liêu
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ : 2.000.000 cổ phiếu.
- Những người có liên quan : Không có
- Các khoản nợ với Công ty : Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không có

#### ✦ Thành viên HĐQT - ÔNG NGUYỄN THANH PHONG

- Họ và tên : Nguyễn Thanh Phong
- Số CMND : 079052004720
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 25/05/1952
- Nơi sinh : Sài Gòn
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Minh Hải
- Địa chỉ thường trú : 23/2, Tân Hợp, Bàu Hàm, Trảng Bom, Đồng Nai
- Số điện thoại liên lạc : 0908198934
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Quản lý giáo dục
- Quá trình công tác : Từ 1973 -> 2012 làm giáo viên, quản lý giáo dục tại huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.
- 2012 – nay : Tham gia việc kinh doanh Công ty cổ phần thủy sản Bạc Liêu.



- Chức vụ công tác hiện nay : Thành viên Hội đồng quản trị
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ :
- Những người có liên quan : Không có
- Các khoản nợ với Công ty : Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không có

#### ✦ Thành viên HĐQT - ÔNG HIDEAKIE ABE

- Họ và tên : Hideakie Abe
- Số CMND/Passport : TH8933930
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 22/12/1970
- Nơi sinh : Nhật Bản
- Quốc tịch : Nhật Bản
- Dân tộc :
- Quê quán : Nhật Bản
- Địa chỉ tạm trú tại VN : Số 12, Đường 12, Phường Bình An, Quận 2, Tp. HCM
- Số điện thoại liên lạc : 0937329293
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Sales and Marketing
- Quá trình công tác :
  - + 1993 - 1995 : Quản lý phân phối thủy hải sản tại Osaka
  - + 1995 - 1998 : Quản lý nhà máy thủy hải sản và rau củ Hyogo
  - + 1998 - 2005 : Quản lý Cty Thương mại Osaka
- Từ 2007 - Nay : Hợp tác với BLF trong việc phát triển và khai thác thị trường rau quả, tôm ĐL và Surimi tại Nhật
- Chức vụ công tác hiện nay : Thành viên Hội đồng quản trị
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ : 200.000 CP
- Những người có liên quan : Không có
- Các khoản nợ với Công ty : Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không có

#### ✦ Thành viên HĐQT – ÔNG NGUYỄN MINH TRÍ

- Họ và tên : Nguyễn Minh Trí
- Số CMND : 056086000032
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 17/10/1986
- Nơi sinh : Sài Gòn
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Long An
- Địa chỉ thường trú : 493/26 bis, Cách Mạng Tháng 8, F.13, Quận 10, Tp. HCM
- Số điện thoại liên lạc : 0988027769

- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Thạc Sĩ quản trị kinh doanh
- Chức vụ công tác hiện nay : Thành viên kiêm thư ký Hội đồng quản trị
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ : 1.500.000 cổ phiếu.
- Những người có liên quan : Không có
- Các khoản nợ với Công ty : Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không có

### **1.2 Ban Tổng giám đốc điều hành:**

Ban tổng giám đốc điều hành có 04 thành viên, đứng đầu là Tổng giám đốc. Trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm, Ban Tổng giám đốc đã thực hiện hoàn thành các quyết định của Hội đồng quản trị, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Thành viên Ban Tổng Giám đốc:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thanh Đạm	Tổng giám đốc	15/12/2008	
Ông Nguyễn Minh Trí	Phó Tổng giám đốc	01/02/2013	

- Tóm tắt lý lịch Ban Tổng giám đốc:

#### **✚ Tổng giám đốc – ÔNG NGUYỄN THANH ĐẠM**

- Họ và tên : Nguyễn Thanh Đạm
- Số CMND : 079073000765
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 15/03/1973
- Nơi sinh : Gia Định - Sài Gòn
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Bạc Liêu
- Địa chỉ thường trú : 24/18 Hoàng Hoa Thám, Phường 7, Quận Bình Thạnh TP.HCM
- Số điện thoại liên lạc : 8247201 - 0908540525
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Đại học Kinh tế TP. HCM
- Quá trình công tác :
- 1999 – 2002 : Công ty Phát triển Kinh tế Duyên Hải
- 2002 – 2004 : Du học Anh Quốc, Post Graduate Diploma Marketing
- 2004 – 2006 : Phó giám đốc kinh doanh Công ty TNHH Thủy sản Nha Trang
- 2006 – 14/12/2008 : Phó tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thủy sản Bạc Liêu



- 15/12/2008 - nay : Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thủy sản Bạc Liêu
- Chức vụ công tác hiện nay : Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thủy sản Bạc Liêu
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ : 2.000.000 cổ phiếu.
- Những người có liên quan : Không có
- Các khoản nợ với Công ty : Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không có

#### ✦ Thành viên HĐQT – Ông NGUYỄN MINH TRÍ

- Họ và tên : Nguyễn Minh Trí
- Số CMND : 0560860000325
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 17/10/1986
- Nơi sinh : Long An
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Long An
- Địa chỉ thường trú : 493/26 bis, Cách Mạng Tháng 8, F.13, Quận 10, Tp. HCM
- Số điện thoại liên lạc : 0988027769
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Thạc Sĩ quản trị kinh doanh
- Chức vụ công tác hiện nay : Thành viên kiêm thư ký Hội đồng quản trị
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ : 1.500.000 cổ phiếu
- Những người có liên quan : Không có
- Các khoản nợ với Công ty : Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không có

### 1.3 Ban Kiểm soát:

Ban kiểm soát gồm 03 thành viên, thực hiện nhiệm vụ thay mặt cho cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị và điều hành của công ty. Ban kiểm soát họp thường kỳ mỗi quý để xem xét và đánh giá kết quả hoạt động của công ty.

- Thành viên Ban kiểm soát:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lâm Văn Tuấn	Trưởng ban	22/11/2014	
Ông Phan Bửu Tính	Thành viên	22/11/2014	
Ông Đinh Trọng Trí	Thành viên	22/11/2014	

- Tóm tắt lý lịch Ban kiểm soát:

✚ **Trưởng Ban kiểm soát - ÔNG LÂM VĂN TUẤN**

- Họ và tên : Lâm Văn Tuấn
- Số CMND : 385090960
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 1979
- Nơi sinh : Bạc Liêu
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Bạc Liêu
- Địa chỉ thường trú : xã Phong Thạnh Đông A, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.
- Số điện thoại liên lạc : 0781-849567
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Tài chính – Ngân hàng
- Quá trình công tác :
  - 2001 – 2004 : Nhân viên Công ty TNHH Thủy sản Bạc Liêu
  - 2004 – 2006 : Trưởng phòng TC – HC Công ty TNHH Thủy sản Bạc Liêu.
  - 2006 – nay : Trưởng phòng TC – HC Công ty Cổ phần Thủy sản Bạc Liêu.
- Chức vụ công tác hiện nay : Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy sản Bạc Liêu
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ : Không có
- Những người có liên quan : Không có
- Các khoản nợ với Công ty : Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không có

✚ **Thành viên Ban kiểm soát - ÔNG PHAN BỬU TÍNH**

- Họ và tên : Phan Bửu Tính
- Số CMND : 385069196
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 1982
- Nơi sinh : Bạc Liêu
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Bạc Liêu
- Địa chỉ thường trú : Ấp 2, TT. Giá Rai, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu
- Số điện thoại liên lạc : 0939.596123
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài Chính Kế Toán
- Quá trình công tác :
  - 2004 – 2009 : Công ty TNHH Thủy sản Bạc Liêu
  - 2010 – 2014 : CN Công ty Cổ phần Thủy sản Bạc Liêu
  - 2015 – nay : Công ty Cổ phần Thủy sản Bạc Liêu



- Chức vụ công tác hiện nay : Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy sản Bạc Liêu
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ : Không có
- Những người có liên quan : Không có
- Các khoản nợ với Công ty : Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không có

#### ✚ Thành viên ban kiểm soát – ÔNG ĐÌNH TRỌNG TRÍ

- Họ và tên : Đình Trọng Trí
- Số CMND : 052075000229
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 1975
- Nơi sinh : Bình Định
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Bình Định
- Địa chỉ thường trú : 606/46/1B QL13, Phường Hiệp Bình Phước, Tp Thủ Đức
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Quá trình công tác :
- 2010 – nay : Nhân viên Công ty Cổ phần Thủy sản Bạc Liêu.
- Chức vụ công tác hiện nay : Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy sản Bạc Liêu.
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ : Không có
- Những người có liên quan : Không có
- Các khoản nợ với Công ty : Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không có

#### 2. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty:

Thực hiện nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2007, năm 2008 Công ty đã chi thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị : 10.000.000 đồng/tháng
- Thành viên Hội đồng quản trị: 1.500.000 đồng /tháng
- Trưởng Ban kiểm soát : 1.500.000 đồng/tháng
- Thành viên Ban kiểm soát : 1.000.000 đồng/tháng

#### 3. Các dữ liệu thống kê về cổ đông (theo danh sách chốt ngày 15/12/2016):

##### 3.1 Cổ đông trong nước:

##### a. Cơ cấu cổ đông:

Stt	Danh mục	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông Tổ chức	322,810,000	0.31

	- Cổ đông sở hữu trên 5%	0	0.00
	- Cổ đông sở hữu dưới 5%	322,810,000	0.32
<b>2</b>	<b>Cổ đông cá nhân</b>	<b>100,813,990,000</b>	<b>96.01</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>101,136,800,000</b>	<b>96,32</b>

**b. Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn:**

Stt	Tên cổ đông	ĐKKD	Địa chỉ	Giá trị (1000đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Thị Thu Hương	023284615	493/26 Bis CMT8, P.13, Q.10, Tp.HCM	1,025,300	8.92
2	Nguyễn Minh Trí		493/26 Bis CMT8, P.13, Q.10, Tp.HCM	1,500,000	13.05
3	Nguyễn Sơn Hà		493/26 Bis CMT8, P.13, Q.10, Tp.HCM	1,500,000	13.04
4	Nguyễn Thanh Long		24/18, Hoàng Hoa Thám, P.7, Q. Bình Thạnh, HCM	1,000,000	8.69
5	Nguyễn Thanh Đạm		24/18, Hoàng Hoa Thám, P.7, Q. Bình Thạnh, HCM	2.000,000	17.40
			<b>Tổng cộng</b>	<b>7,025,300</b>	<b>45,42</b>

**3.2 Cổ đông nước ngoài:**

**a. Cơ cấu cổ đông:**

Stt	Danh mục	Giá trị (1000đồng)	Tỷ Lệ (%)
<b>1</b>	<b>Cổ đông Tổ chức</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
	- Cổ đông sở hữu trên 5%	0	0
	- Cổ đông sở hữu dưới 5%	0	0
<b>2</b>	<b>Cổ đông cá nhân</b>	<b>3,863,200</b>	<b>3.68</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>3,863,200</b>	<b>3.68</b>

**b. Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn:**

Stt	Tên cổ đông	ĐKKD	Địa chỉ	Giá trị (1000đồng)	Tỷ lệ (%)
			<b>Tổng cộng</b>	<b>0</b>	<b>0</b>



**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY  
TỔNG GIÁM ĐỐC**

*Nơi nhận:*  
- SGDCK HÀ NỘI



**NGUYỄN THANH ĐẠM**